

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20.9.2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Kim Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đích**

Ông **Dương Thị Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thủy**- Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lại Văn H**, sinh năm: 1976. Trú tại: Thôn D, xã D, huyện D, tỉnh Q. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm: 1970; Nơi ĐKKHKT: Tổ C, phường T, quận S, TP Đ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lại Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N kết hôn với nhau vào năm: 2015, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà mua đất làm nhà ở tại địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện D, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ông bà không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Tháng 6/2023 bà N đã tự ý bỏ đi về nhà riêng tại: Tổ C, phường T, quận S, thành phố Đ sinh sống. Đến đầu năm 2024 bà N thay đổi số điện thoại và cắt hoàn toàn liên lạc với ông. Do đó, nguyện vọng của ông mong Tòa án nhân dân quận Sơn Trà giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

- Về quan hệ con chung: Ông Lại Văn H xác định không có.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Lại Văn H xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Lại Văn H xác định không có.

* Đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu N, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà qua xác minh được biết bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ C, phường T, quận S, TP Đ tuy nhiên thường xuyên vắng mặt tại địa phương, để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và để đảm bảo quyền lợi cho bà N, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên B trong ba số liên tiếp ngày 26, 27, 28/6/2024 và phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp để bà N được biết về vụ việc, có ý kiến phản hồi cũng như tham gia tố tụng tại Tòa án; Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà N đều vắng mặt nên không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án không có cơ sở để xem xét yêu cầu và nguyện vọng của bà N.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn do bà N vắng mặt không có tin tức gì nên không xem xét việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn cho ông H ly hôn với bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Lại Văn H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thu N là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Lại Văn H đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015, quyển số 01/2015 ngày 03/6/2015. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà mua đất làm nhà ở tại địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện D, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ông bà không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Tháng 6/2023 bà N đã tự ý bỏ đi về nhà riêng tại: Tổ C, phường T, quận S, thành phố Đ sinh sống. Đến đầu năm 2024 bà N thay đổi số điện thoại và cắt hoàn toàn liên lạc với ông. Tại phiên tòa hôm nay, ông H xác định không còn yêu thương bà N nữa, ông xin được ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lại Văn H đối với bà Nguyễn Thị Thu N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông H và bà N lại không làm được điều này. Qua xác minh tại thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Q thì được biết giữa vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm rõ đồng thời bà N đã không còn sinh sống tại địa phương, điều này thể hiện việc bỏ mặc, không có thiện chí níu kéo hạnh phúc gia đình của bà N. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông H và bà N đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà N là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông H xác định giữa vợ chồng ông bà không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có. Còn bà N không có mặt nên không ghi được ý kiến về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Lại Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Chi phí đăng thông tin tìm kiếm ông H đã nộp đã chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn " của ông Lại Văn H đối với bà Nguyễn Thị Thu N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lại Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu N.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lại Văn H đối với bà Nguyễn Thị Thu N nên giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015, quyền số 01/2015 do UBND xã D, huyện D, tỉnh Q cấp ngày 03/6/2015 cho ông Lại Văn H và bà Nguyễn Thị Thu N không còn giá trị pháp lý.

2. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Lại Văn H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) ông H đã nộp tại biên lai thu số 0002642 ngày 12/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông Lại Văn H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND xã D, huyện Duy Xuyên,
- Tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung

